

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14 tháng 8 năm 2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Ông Nguyễn Văn Môn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Chu Thị Tn, sinh năm 1997.

HKTT: Thôn Hạ Núi, xã Đồng Phúc, huyện YD, tỉnh B.

** Bị đơn:* Anh Nguyễn Anh H, sinh năm 1995

HKTT: Số nhà 07, ngõ 156, đường Lê Văn Minh, tổ dân phố Thành Non, phường Xương Giang, thành phố B, tỉnh B.

(Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 16/4/2021 cùng các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Chu Thị Tn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Anh H đăng ký kết hôn ngày 28/2/2019 tại Ủy ban nhân dân phường Xương Giang, thành phố B, tỉnh B. Anh, chị được tự do tìm hiểu trước khi cưới, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không

bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình chồng tại nhà 07, ngõ 156, đường Lều Văn Minh, tổ dân phố Thành Non, phường Xương Giang, thành phố B, tỉnh B, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 9 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không thể cùng chung sống, nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng, không thể hòa giải đoàn tụ nên yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phương Vy, sinh ngày 19/3/2020. Hiện cháu Vy đang ở cùng anh H. Đề nghị được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị hiện nay đang mở cửa hàng Spa, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 20.000.000 đồng, đủ điều kiện nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn là anh Nguyễn Anh H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tn đăng ký kết hôn ngày 28/2/2019 tại Ủy ban nhân dân phường Xương Giang, thành phố B, tỉnh B. Anh, chị được tự do tìm hiểu trước khi cưới, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị Tn về chung sống cùng gia đình anh tại nhà 07, ngõ 156, đường Lều Văn Minh, tổ dân phố Thành Non, phường Xương Giang, thành phố B, tỉnh B, đến tháng 9 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nên chị Tn đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay, chị Tn yêu cầu được ly hôn, anh đề nghị chị Tn rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nuôi dưỡng con chung.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phương Vy, sinh ngày 19/3/2020. Hiện cháu Vy đang ở cùng anh, từ khi chị Tn bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở không quan tâm và không chu cấp nuôi dưỡng con. Anh đề nghị được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị Tn hiện nay đang mở cửa hàng Spa tại thôn 7, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh B nên điều kiện không đảm bảo để nuôi dưỡng trẻ con và không có người phụ giúp nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H cung cấp 01 bản sao bằng lương tại Công ty Luxshare-ICT ghi tên Nguyễn Anh H.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản sao biên bản xác minh của Tòa án ngày 07/01/2021 của TAND thành phố B đối với chính quyền tổ dân phố Thành Non, phường Xương Giang, thành phố B (Sao từ tài liệu có trong hồ sơ vụ án về Hôn nhân gia đình giữa chị Tn và anh H năm 2020), địa phương cung cấp như sau: vợ chồng anh H, chị Tn là công dân cư trú tại ổ dân phố Thành Non, phường Xương Giang, thành phố*

B, quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm rõ, chị Tn đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng có 01 con chung.

* Tại phiên tòa hôm nay:

Chị Tn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm như đã trình bày, không thay đổi, bổ sung gì. Chị xin được ly hôn và được quyền nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con anh H đồng ý mức cấp dưỡng bao nhiêu thì chị cũng đồng ý.

* Anh H đồng ý ly hôn và anh xin được nuôi con vì anh cho rằng chị Tn đi thuê nhà làm Spa tại thôn 7, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, không có thu nhập ổn định, không có môi trường tốt cho con cái; bản thân anh làm việc tại Công ty Luxshare-ICT thu nhập bình quân trên 20.000.000 đồng/tháng, có nơi ở ổn định có điều kiện nuôi con hơn chị Tn. Trường hợp anh không được nuôi con thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho chị Tn 2.000.000 đồng/tháng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn, bị đơn về cơ bản đã chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Tn và anh H.

+ Về con chung: Giao cho chị Tn nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Phương Vy, sinh ngày 19/3/2020. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Tn 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Vy tròn 18 tuổi.

+ Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tn phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Tn đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Anh H phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Anh H có hộ khẩu thường trú tại phường Xương Giang, thành phố B, tỉnh B. Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa chị Tn và anh H là đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tn và anh H kết hôn ngày 28/02/2019 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Xương Giang, thành phố B, tỉnh B và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, chị Tn và anh H xác định tình cảm không còn và thuận tình ly hôn nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Tn và anh H.

[3] Về giao nuôi con chung: Chị Tn và anh H có 01 con chung là Nguyễn Phương Vy, sinh ngày 19/3/2020. Hiện cháu Vy đang ở cùng anh H. Xét nguyện vọng nuôi con của hai bên thì thấy cả chị Tn và anh H đều đủ điều kiện về nơi ở và kinh tế nuôi con; phía anh H cho rằng chị Tn bỏ đi không quan tâm chu cấp cho con nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh, phía chị Tn cho rằng gia đình anh H không cho chị đón con nên chị không thể đưa con đi cùng khi chị và anh H sống ly thân nhưng không đưa ra căn cứ. Tuy nhiên, xét cháu Nguyễn Phương Vy là con gái, mới được hơn 01 năm tuổi, còn rất nhỏ nên cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp của người mẹ để đảm bảo cho cháu có đủ điều kiện phát triển toàn diện, bình thường. Hơn nữa, theo Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “....*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.*”. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Tn, giao cho chị Tn được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là đảm bảo quyền lợi của cháu Vy và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho chị Tn 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Vy tròn 18 tuổi, chị Tn không có ý kiến phản đối nên cần chấp nhận mức cấp dưỡng này.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về lãi suất chậm thi hành án: Do các đương sự không thỏa thuận được nên áp dụng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Về án phí: Chị Tn và anh H mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ mức án phí ly hôn sơ thẩm, anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 246; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Chu Thị Tn và anh Nguyễn Anh H.

2. Về con chung: Giao cho chị Chu Thị Tn nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Phương Vy, sinh ngày 19/3/2020.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Tn, mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Phương Vy tròn 18 tuổi.

4. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

- Chị Chu Thị Tn phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0002020 ngày 16/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B. Hoàn trả chị Tn 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

- Anh Nguyễn Anh H phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- TAND tỉnh B;
- UBND phường Xương Giang; TP. B, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Mạnh Thắng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- TAND tỉnh B;
- UBND phường Xương Giang, TP. B, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Mạnh Thắng